



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 1 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Le Danny
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Ông Michael Hung Nguyen

Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Phó Chủ tịch Thứ nhất
Thành viên không điều hành
Phó Chủ tịch Thứ hai
Thành viên không điều hành
(từ ngày 9/3/2026)
Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Michael Richard Lister Glover
Ông Aditya Agarwal
Ông Phan Chiên Thắng
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Michael Richard Lister Glover
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00201-26-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 05-08-2026

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2024-007-1

M.S.D.N. 3064-2024-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 160)	100		159.357.698	81.571.308
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	78.242.012	799.820
Tiền	111		78.242.012	799.820
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.896.438	31.263.836
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)(i)	24.896.438	31.263.836
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.615.080	21.244.128
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	137.500
Phải thu ngắn hạn khác	135	11	45.615.080	21.106.628
Tài sản ngắn hạn khác	160		10.604.168	28.263.524
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12	3.190.205	21.088.563
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		7.413.963	7.174.961
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		13.656.476.389	13.656.476.389
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Đầu tư tài chính dài hạn	260		13.656.476.389	13.656.476.389
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	10(a)(ii)	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		13.815.834.087	13.738.047.697

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.649.400.332	1.571.764.243
Nợ ngắn hạn	310		160.275.332	77.201.743
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.712.926	18.586.314
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		37.575	79.562
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	33.891.271	21.240.807
Phải trả ngắn hạn khác	320	15	102.133.560	24.495.060
Vay, trái phiếu phát hành ngắn hạn	321	16(a)	13.500.000	12.800.000
Nợ dài hạn	330		1.489.125.000	1.494.562.500
Vay, trái phiếu phát hành dài hạn	339	16(b)	1.489.125.000	1.494.562.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	12.166.433.755	12.166.283.454
Vốn cổ phần	411	18	10.998.295.200	10.998.295.200
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.998.295.200	10.998.295.200
Thặng dư vốn	412	18	1.098.209.892	1.098.209.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		69.928.663	69.778.362
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		69.778.362	69.333.945
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	420b		150.301	444.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.815.834.087	13.738.047.697

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Người lập

Người kiểm tra

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Aditya Agarwal
Phó Tổng Giám đốc



Michael Richard Lister Glover
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 Nghìn VND	30/6/2025 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	22	19	86.833.379	83.552.282
Chi phí tài chính	23	20	85.335.895	188.865.591
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		79.310.942	76.894.389
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.309.608	1.462.114
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 22 - 23 - 26)	30		187.876	(106.775.423)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	14.875.016
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		-	(14.875.016)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		187.876	(121.650.439)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	37.575	(6.883)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		150.301	(121.643.556)

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Người lập

Người kiểm tra

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Aditya Agarwal
Phó Tổng Giám đốc




Michael Richard Lister Glover
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 Nghìn VND	30/6/2025 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		187.876	(121.650.439)
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		-	107.004.541
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(86.824.060)	(83.543.664)
Chi phí đi vay	06		85.318.374	81.826.781
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1.317.810)	(16.362.781)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(24.609.953)	25.307.841
Tăng các khoản phải trả	11		80.173.744	8.553.352
Giảm chi phí chờ phân bổ	12		13.703.426	-
			67.949.407	17.498.412
Chi phí đi vay đã trả	14		(77.069.110)	(77.165.469)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(79.562)	(72.061)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.199.265)	(59.739.118)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu lãi cho vay và tiền gửi	27		93.191.457	76.869.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		93.191.457	76.869.143

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 Nghìn VND	30/6/2025 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		13.500.000	12.800.000
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(20.050.000)	(27.648.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.550.000)	(14.848.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		77.442.192	2.281.121
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	799.820	4.701.798
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	78.242.012	6.982.919

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Người lập	Người kiểm tra	Người đại diện theo pháp luật
		
Nguyễn Thị Thanh Mai Kế toán trưởng	Aditya Agarwal Phó Tổng Giám đốc	Michael Richard Lister Glover Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (Nghìn VND), trừ khi được trình bày khác.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3, những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(f) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(g) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(h) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác.

Thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lãi trái phiếu, chi phí đi vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác. Chi phí đi vay bao gồm phí thu xếp tín dụng, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí tài chính được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(k) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, công ty mẹ trực tiếp, công ty mẹ cấp cao nhất, và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(l) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi về cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 so với báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
▪ Ngân hàng 1	78.223.582	781.435
▪ Ngân hàng 2	18.430	18.385
	78.242.012	799.820

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Giá trị phân bổ Nghìn VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá trị phân bổ Nghìn VND (Đã phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Phải thu lãi cho vay từ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) – công ty con gián tiếp	24.896.438	24.896.438	-	31.263.836	31.263.836	-

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Giá trị phân bổ Nghìn VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá trị phân bổ Nghìn VND (Đã phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Phải thu gốc cho vay từ NPM – công ty con gián tiếp	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền cho NPM vay, không được đảm bảo và phải thu trong vòng 5 năm kể từ ngày giải ngân. Lãi suất được thanh toán sáu tháng một lần theo mức lãi suất được quy định trong các hợp đồng và phụ lục hợp đồng cho vay.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	-	(*)	-
				(*)

MRTN là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND (Đã phân loại lại)
Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan – công ty mẹ trực tiếp	24.455.513	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các công ty con	21.097.408	21.051.628
Phải thu ngắn hạn khác	62.159	55.000
	45.615.080	21.106.628

Khoản phải thu khác từ công ty mẹ trực tiếp và các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo các điều khoản của hợp đồng liên quan.

12. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND
Phí đại lý lưu ký trái phiếu và phí đại diện trái chủ	3.190.205	7.033.082
Chi phí khác	-	14.055.481
	3.190.205	21.088.563

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026	1/1/2026
	Ngàn VND	Ngàn VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất	10.677.151	10.677.151
Các bên khác		
Công ty TNHH ERM Việt Nam	-	7.113.227
Các nhà cung cấp khác	35.775	795.936
	10.712.926	18.586.314

Khoản phải trả người bán là công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo yêu cầu.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay phải trả	22.878.555	20.636.712
Chi phí phải trả khác	11.012.716	604.095
	33.891.271	21.240.807

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải trả cho NPM – công ty con gián tiếp		
Chi phí phát triển hệ thống ERP	14.200.375	14.200.375
Chi phí khác	10.294.685	10.294.685
Phải trả cho các bên khác		
Phải trả khác (*)	77.638.500	-
	102.133.560	24.495.060

Khoản phải trả công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của hai bên.

- (*) Đây là khoản tiền tạm ứng nhận được từ nhân viên của Công ty liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2026 (“ESOP”) (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

16. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Biến động trong năm		30/6/2026 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
		Tăng Nghìn VND	Giảm Nghìn VND	
Vay ngắn hạn (*)	12.800.000	13.500.000	(12.800.000)	13.500.000

(*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ một công ty con, không được đảm bảo và chịu mức lãi suất được quy định trong hợp đồng vay.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2026 Nghìn VND	1/1/2026 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2028	1.489.125.000	1.494.562.500

Đây là các trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành với lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng biên độ 5,1%/năm.

Các trái phiếu không chuyển đổi này được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của một công ty con.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – một công ty liên quan.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	10.991.554.200	1.098.259.892	69.333.945	12.159.148.037
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(121.643.556)	(121.643.556)
Số dư tại ngày 30/6/2025	10.991.554.200	1.098.259.892	(52.309.611)	12.037.504.481
Số dư tại ngày 1/1/2026	10.998.295.200	1.098.209.892	69.778.362	12.166.283.454
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	150.301	150.301
Số dư tại ngày 30/6/2026	10.998.295.200	1.098.209.892	69.928.663	12.166.433.755

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.829.520	10.998.295.200	1.099.829.520	10.998.295.200
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.829.520	10.998.295.200	1.099.829.520	10.998.295.200
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.829.520	10.998.295.200	1.099.829.520	10.998.295.200
Thặng dư vốn	-	1.098.209.892	-	1.098.209.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Thặng dư vốn phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu sau khi trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 Nghìn VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 Nghìn VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay	86.824.060	83.543.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.319	8.618
	86.833.379	83.552.282

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 Nghìn VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 Nghìn VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	107.004.541
Chi phí lãi vay	79.310.942	76.894.389
Chi phí đi vay	6.007.432	4.932.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.521	34.269
	85.335.895	188.865.591

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***21. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 Nghìn VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 Nghìn VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	37.575	-
Dự phòng thừa trong năm trước	-	(6.883)
	37.575	(6.883)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 Nghìn VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 Nghìn VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	187.876	(121.650.439)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.575	(24.330.088)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	24.163.562
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(6.883)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản lỗ tính thuế	-	166.526
	37.575	(6.883)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“TCB”), một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty. Các khoản tiền gửi này được thực hiện theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các công ty liên kết và công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ 744.200 triệu VND trái phiếu đã phát hành của Công ty (1/1/2026: 1.130.600 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 Nghìn VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 Nghìn VND
Các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu (i)	12.860.141	557.555
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Lãi trái phiếu (i)	26.331.164	51.076.712
Các công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Trả hộ cho NPM	629.334	-
	Thu nhập từ lãi cho vay	86.731.233	83.532.740
	Nhận tiền lãi cho vay	93.098.630	76.858.219
Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC")	Nhận tiền vay	13.500.000	12.800.000
	Trả tiền vay	12.800.000	12.800.000
	Chi phí lãi vay	317.459	279.321
	Trả lãi vay	640.000	550.400
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	-	-

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

- (i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các điều khoản giao dịch thông thường.
- (ii) Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Lương và thưởng của Tổng Giám đốc trong các kỳ này do một công ty con của Công ty chi trả.

23. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ngày 2 tháng 7 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐQT phê duyệt quy chế chương trình ESOP và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP. Ngày 22 tháng 7 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.143.900 cổ phiếu (tương đương 99,382% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành) theo chương trình ESOP với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

24. Thông tin so sánh

Ngoại trừ các số liệu được phân loại lại dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và các thuyết minh liên quan được mang sang từ báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố các chính sách kế toán đối với một số khoản mục. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) Nghìn VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) Nghìn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	31.263.836	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	21.106.628	52.370.464
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	1.500.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn		-	1.500.000.000

Phê duyệt, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Người lập

Người kiểm tra

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Aditya Agarwal
Phó Tổng Giám đốc

Michael Richard Lister Glover
Tổng Giám đốc



Masan High-Tech Materials Corporation

Separate Interim Financial Statements
for the six-month period ended
30 June 2026



Masan High-Tech Materials Corporation Corporate Information

Enterprise Registration

Certificate No.

0309966889

27 April 2010

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which was dated 19 January 2026. The Enterprise Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment (currently known as the Department of Finance) of Ho Chi Minh City.

Board of Directors

Mr. Le Danny	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	First Vice Chairman
	Non-Executive Member
Mr. Michael Hung Nguyen	Second Vice Chairman
	Non-Executive Member
	(from 9/3/2026)
Ms. Nguyen Thu Hien	Independent member

Board of Management

Mr. Michael Richard Lister Glover	Chief Executive Officer
Mr. Aditya Agarwal	Deputy Chief Executive Officer
Mr. Phan Chien Thang	Deputy Chief Executive Officer
Ms. Nguyen Thi Thanh Mai	Chief Accountant

Audit Committee

Ms. Nguyen Thu Hien	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	Member

Registered Office

No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Auditor

KPMG Limited
Vietnam

Masan High-Tech Materials Corporation Statement of the Board of Management

The Board of Management of Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company”) presents this statement and the accompanying separate interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2026.

The Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- (a) the separate interim financial statements set out on pages 5 to 27 give a true and fair view of the unconsolidated financial position of the Company as at 30 June 2026, and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised these accompanying separate interim financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management

Michael Richard Lister Glover
Chief Executive Officer

Ho Chi Minh City, 5 August 2026



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72,
Pham Hung Street, Yen Hoa Ward,
Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS REVIEW REPORT

To the Shareholders Masan High-Tech Materials Corporation

We have reviewed the accompanying separate interim financial statements of Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company”), which comprise the separate statement of financial position as at 30 June 2026, the separate statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company’s Board of Management on 5 August 2026, as set out on pages 5 to 27.

Management’s Responsibility

The Company’s Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting and for such internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation of separate interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor’s Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these separate interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review engagements 2410 – *Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity*.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.





Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying separate interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the unconsolidated financial position of Masan High-Tech Materials Corporation as at 30 June 2026 and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

KPMG Limited

Vietnam

Review Report No.: 26-02-00201-26-2



Trương Vĩnh Phúc

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 1901-2023-007-1

Deputy General Director

Hanoi, **05 AUG 2026**

Phan My Linh

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 3064-2024-007-1



Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of financial position as at 30 June 2026

Form B 01a – DN
*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2026 VND'000	1/1/2026 VND'000 Reclassified
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 160)	100		159,357,698	81,571,308
Cash and cash equivalents	110	9	78,242,012	799,820
Cash	111		78,242,012	799,820
Short-term financial investments	120		24,896,438	31,263,836
Held-to-maturity investments	123	10(a)(i)	24,896,438	31,263,836
Accounts receivable – short-term	130		45,615,080	21,244,128
Prepayments to suppliers	132		-	137,500
Other short-term receivables	135	11	45,615,080	21,106,628
Other current assets	160		10,604,168	28,263,524
Short-term deferred expenses	161	12	3,190,205	21,088,563
Deductible value added tax	162		7,413,963	7,174,961
Long-term assets (200 = 220 + 260)	200		13,656,476,389	13,656,476,389
Fixed assets	220		-	-
Tangible fixed assets	227		-	-
Cost	228		137,950	137,950
Accumulated depreciation	229		(137,950)	(137,950)
Long-term financial investments	260		13,656,476,389	13,656,476,389
Investments in subsidiaries	261	10(b)	12,156,476,389	12,156,476,389
Held-to-maturity investments	265	10(a)(ii)	1,500,000,000	1,500,000,000
TOTAL ASSETS (280 = 100 + 200)	280		13,815,834,087	13,738,047,697

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of financial position as at 30 June 2026 (continued)

Form B 01a – DN

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2026 VND'000	1/1/2026 VND'000
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		1,649,400,332	1,571,764,243
Current liabilities	310		160,275,332	77,201,743
Accounts payable to suppliers	311	13	10,712,926	18,586,314
Taxes and others payable to the State – short-term	314		37,575	79,562
Accrued expenses	316	14	33,891,271	21,240,807
Other short-term payables	320	15	102,133,560	24,495,060
Short-term borrowings and bonds	321	16(a)	13,500,000	12,800,000
Long-term liabilities	330		1,489,125,000	1,494,562,500
Long-term borrowings, bonds	339	16(b)	1,489,125,000	1,494,562,500
EQUITY	400	17	12,166,433,755	12,166,283,454
Share capital	411	18	10,998,295,200	10,998,295,200
- Ordinary shares with voting rights	411a		10,998,295,200	10,998,295,200
Share premium	412	18	1,098,209,892	1,098,209,892
Retained profits	420		69,928,663	69,778,362
- Retained profits brought forward	420a		69,778,362	69,333,945
- Retained profit for the current period/year	420b		150,301	444,417
TOTAL RESOURCES	440		13,815,834,087	13,738,047,697
(440 = 300 + 400)				

Authorised, 5 August 2026

Preparer

Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewer

Aditya Agarwal
Deputy Chief Executive Officer

Legal Representative

Michael Richard Lister Glover
Chief Executive Officer



The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation

Separate statement of income for the six-month period ended 30 June 2026

Form B 02a – DN

(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended	
			30/6/2026 VND'000	30/6/2025 VND'000
Financial income	22	19	86,833,379	83,552,282
Financial expenses	23	20	85,335,895	188,865,591
<i>In which: Borrowing costs</i>	24		79,310,942	76,894,389
General and administration expenses	26		1,309,608	1,462,114
Net operating profit/(loss) (30 = 22 - 23 - 26)	30		187,876	(106,775,423)
Other income	31		-	-
Other expenses	32		-	14,875,016
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		-	(14,875,016)
Accounting profit/(loss) before tax (50 = 30 + 40)	50		187,876	(121,650,439)
Income tax expense - current	51	21	37,575	(6,883)
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51)	60		150,301	(121,643,556)

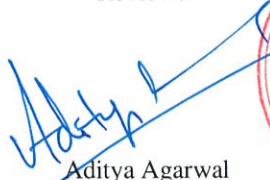
Authorised, 5 August 2026

Preparer



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewer



Aditya Agarwal
Deputy Chief Executive Officer

Legal Representative



Michael Richard Lister Glover
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2026
(Indirect method)

Form B 03a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended 30/6/2026 VND'000	30/6/2025 VND'000
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
Profit/(loss) before tax	01		187,876	(121,650,439)
Adjustments for				
Allowances and provisions	03		-	107,004,541
Profits from investing activities	05		(86,824,060)	(83,543,664)
Borrowing costs	06		85,318,374	81,826,781
Operating profit before changes in working capital	08		(1,317,810)	(16,362,781)
Change in receivables	09		(24,609,953)	25,307,841
Change in payables	11		80,173,744	8,553,352
Change in deferred expenses	12		13,703,426	-
			67,949,407	17,498,412
Interest paid	14		(77,069,110)	(77,165,469)
Income tax paid	15		(79,562)	(72,061)
Net cash flows from operating activities	20		(9,199,265)	(59,739,118)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
Receipts of interest	27		93,191,457	76,869,143
Net cash flows from investing activities	30		93,191,457	76,869,143

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statements of cash flows for the six-month period ended 30 June 2026
(Indirect method - continued)

Form B 03a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

		Six-month period ended		
	Code	Note	30/6/2026 VND'000	30/6/2025 VND'000
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Proceeds from borrowings and bonds issued	33		13,500,000	12,800,000
Payments to settle loan principal and expenses related to bond issuance	34		(20,050,000)	(27,648,904)
Net cash flows from financing activities	40		(6,550,000)	(14,848,904)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50		77,442,192	2,281,121
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	9	799,820	4,701,798
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60)	70	9	78,242,012	6,982,919

Authorised, 5 August 2026

Preparer 
 Nguyen Thi Thanh Mai
 Chief Accountant

Reviewer 
 Aditya Agarwal
 Deputy Chief Executive Officer

Legal Representative 
 Michael Richard Lister Glover
 Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026

Form B 09a – DN
*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate interim financial statements.

1. Reporting entity

Ownership and company structure

Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company” or “MHT”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The principal activity of the Company is investment management.

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The separate interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

The Company also prepares and issues its consolidated interim financial statements. For a comprehensive understanding of the consolidated financial position as at 30 June 2026 of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”), and their consolidated results of operations and their consolidated cash flows, these separate interim financial statements should be read in conjunction with the consolidated interim financial statements of the Group for the six-month period ended 30 June 2026.

(b) Basis of measurement

The separate interim financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statement presentation purpose. All amounts have been rounded to the nearest thousand (VND’000), unless otherwise indicated.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

3. Adoption of new guidance on accounting system for enterprises

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC providing guidance on the Vietnamese Accounting System for Enterprises (“Circular 99”). Circular 99 replaces the previous guidance on Vietnamese Accounting System for Enterprises under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 (“Circular 200”) and other circulars amending and supplementing Circular 200. Circular 99 is effective from 1 January 2026 and applicable for annual accounting periods beginning on or after 1 January 2026.

The Company has adopted the applicable requirements of Circular 99 effective from 1 January 2026 on a prospective basis, with reclassification of certain corresponding items, unless Circular 99 specifically stipulates otherwise. The significant changes to the Company’s accounting policies and their effects on the separate financial statements, if any, are disclosed in the following notes to the separate interim financial statements:

- Held-to-maturity investments (Note 4(c)(i)).

4. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements.

Except for the significant changes in accounting policies as described in Note 3, the accounting policies that have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest separate annual financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the average of the account transfer buying rates and selling rates at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions. Demand deposits denominated in currencies other than VND are translated into VND at the average of the account transfer buying rates and selling rates at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company maintains the demand deposit accounts.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

(b) Cash

Cash comprises cash balances and demand deposits.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(c) Investments

(i) *Held-to-maturity investments*

Held-to-maturity investments are those that the Company's Board of Management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include loan receivables. These investments are initially recognised at cost. Subsequent to initial recognition, the investments are stated at amortised cost less allowance for held-to-maturity investments. Any discount or premium is amortised on a straight-line basis over the term of the investments.

(ii) *Investments in subsidiaries*

For the purpose of these separate financial statements, investments in subsidiaries are initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for impairment.

An allowance is made for impairment of investment if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts. An allowance for doubtful debts is made for receivables that are overdue or deemed likely to be uncollectible.

(e) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is recognised as an intangible asset. Acquired software costs are amortised on a straight-line basis over three (3) to eight (8) years.

(f) Trade and other payables and accruals

Trade and other payables and accruals are stated at their cost.

(g) Bonds issued

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceeds from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortised on a straight-line basis over the term of the bond.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(h) Equity

Ordinary shares

Ordinary shares are recognised at issuance price less incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects. Such costs are recognised as a deduction from share premium.

(i) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the statement of financial position method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the deferred tax asset can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(j) Financial income and financial expenses

(i) *Financial income*

Financial income comprises interest income from deposits and loans, profit distribution from the subsidiary, foreign exchange gains and other financial income.

Interest income from deposits and loans is recognised in the statement of income based on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

Income from distributed profits from a subsidiary is recognized when the right to receive profit distribution is established. Distributed profits received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(ii) *Financial expenses*

Financial expenses comprise interest expenses on borrowings and bonds, borrowing costs, foreign exchange losses and other financial expenses. Borrowing costs comprise facility fees and transaction costs. Financial expenses are recognised as an expense in the period in which they are incurred.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(k) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party. Related parties that are individuals refer to key management personnel who have authority and responsibility for planning, directing and controlling the activities of the Company, including directors and officers of the Company.

Related companies refer to subsidiaries and associates of the Company, the immediate parent company, the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

(l) Comparative information

Comparative information in these separate interim financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior period is included as an integral part of the current period financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these separate interim financial statements is not intended to present the Company's unconsolidated financial position, unconsolidated results of operation or unconsolidated cash flows for the prior period.

5. Seasonality of operations

The Company does not have any seasonal operations which may affect the Company's operating results for the six-month period ended 30 June 2026.

6. Changes in accounting estimates

In preparing the annual and interim separate financial statements, the Board of Management has made several accounting estimates. Actual results may differ from these estimates. During the six-month period ended 30 June 2026, there was no significant change in the accounting estimates made at the end of the previous annual accounting period affecting these separate interim financial statements.

7. Unusual items

The Company does not have any unusual items which may affect the Company's separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026.

8. Changes in the composition of the Company

There were no significant changes in the composition of the Company for the six-month period ended 30 June 2026 compared to the most recent separate annual financial statements.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

9. Cash and cash equivalents

	30/6/2026	1/1/2026
	VND'000	VND'000
Demand deposits		
▪ Bank 1	78,223,582	781,435
▪ Bank 2	18,430	18,385
	78,242,012	799,820

Masan High-Tech Materials Corporation

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

10. Investments

(a) Held-to-maturity investments

(i) Short-term held-to-maturity investments

	Amortised cost VND'000	30/6/2026 Recoverable amount VND'000	Allowance VND'000	Amortised cost VND'000 (Reclassified)	1/1/2026 Recoverable amount VND'000	Allowance VND'000
Interest receivable from Nui Phao Mining Company Ltd ("NPM") – indirect subsidiary	24,896,438	24,896,438	-	31,263,836	31,263,836	-

(ii) Long-term held-to-maturity investments

	Amortised cost VND'000	30/6/2026 Recoverable amount VND'000	Allowance VND'000	Amortised cost VND'000 (Reclassified)	1/1/2026 Recoverable amount VND'000	Allowance VND'000
Loan principal receivable from NPM – indirect subsidiary	1,500,000,000	1,500,000,000	-	1,500,000,000	1,500,000,000	-

Long-term held-to-maturity investments represent the amount lent to NPM, which is unsecured and receivable within five years from the drawdown date. The loan bears the interest rate specified in the loan agreement and its appendices, payable semi-annually.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

(b) Investment in subsidiary

	Cost VND'000	30/6/2026 Allowance VND'000	Fair value VND'000	Cost VND'000	1/1/2026 Allowance VND'000	Fair value VND'000
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited ("MRTN")	12,156,476,389	-	(*)	12,156,476,389	-	(*)

MRTN is a limited liability company incorporated in Vietnam. The direct percentage of economic interests of the Company at MRTN is 100% as at 30 June 2026 (1/1/2026: 100%).

(*) The Company has not determined the fair values of the equity investments for disclosure in the separate financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for Enterprises. The fair values of the equity investments may differ from their carrying amounts.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

11. Other short-term receivables

	30/6/2026 VND'000	1/1/2026 VND'000 (Reclassified)
Other short-term receivables from Masan Horizon Company Limited – immediate parent company	24,455,513	-
Other short-term receivables from the subsidiaries	21,097,408	21,051,628
Others	62,159	55,000
	45,615,080	21,106,628

Other receivables from the immediate parent company and subsidiaries were unsecured, interest free and are due in accordance with relevant contract terms.

12. Short-term deferred expenses

	30/6/2026 VND'000	1/1/2026 VND'000
Bond custodian agent and bondholder representative fees	3,190,205	7,033,082
Other expenses	-	14,055,481
	3,190,205	21,088,563

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

13. Accounts payable to suppliers – short-term

Accounts payable to suppliers detailed by significant suppliers and related parties

	Cost and amount within payment capacity	
	30/6/2026	1/1/2026
	VND'000	VND'000
Related parties		
Masan Group Corporation – Ultimate parent company	10,677,151	10,677,151
Other parties		
ERM Vietnam Co., Ltd.	-	7,113,227
Other suppliers	35,775	795,936
	10,712,926	18,586,314

The trade related amounts due to the ultimate parent company were unsecured, interest free and are payable upon demand.

14. Accrued expenses – short-term

	30/6/2026	1/1/2026
	VND'000	VND'000
Accrued interest expenses	22,878,555	20,636,712
Others	11,012,716	604,095
	33,891,271	21,240,807

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

15. Other short-term payables

Other payables included the following amounts:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND'000	VND'000
Amount due to NPM – an indirect subsidiary		
ERP system development expenses	14,200,375	14,200,375
Others	10,294,685	10,294,685
Amount due to other parties		
Other payables (*)	77,638,500	-
	102,133,560	24,495,060

Amount due to the subsidiary was unsecured, interest-free and repayable based on agreement between the parties.

- (*) This represents advances received from the Company's employees relating to the issuance of shares under the Employee Stock Ownership Plan in 2026 ("ESOP") (Note 23).

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

16. Borrowings and bonds

(a) Short-term borrowings

	1/1/2026	Movement during the period		30/6/2026
	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000	Additions VND'000	Payments VND'000	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000
Short-term borrowings (*)	12,800,000	13,500,000	(12,800,000)	13,500,000

(*) Short-term borrowings represent borrowings from a subsidiary, which is unsecured with interest rate specified in the loan agreement.

(b) Long-term bonds issued

Terms and conditions of long-term bonds were as follows:

	Year of maturity	30/6/2026 VND'000	1/1/2026 VND'000
Secured bond issued	2028	1,489,125,000	1,494,562,500

These are VND denominated non-convertible bonds issued by the Company, which bear interest at rates adjusted every six months and calculated as the average twelve-month savings deposit rate of related reference banks plus 5.1% per annum.

These non-convertible bonds are secured by certain long-term assets of a subsidiary.

The representative of the bondholders of the above bonds is Techcom Securities JSC, a related company.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

17. Changes in equity

	Share capital VND'000	Share premium VND'000	Retained profits after tax VND'000	Total VND'000
Balance at 1/1/2025	10,991,554,200	1,098,259,892	69,333,945	12,159,148,037
Net loss for the period	-	-	(121,643,556)	(121,643,556)
Balance at 30/6/2025	10,991,554,200	1,098,259,892	(52,309,611)	12,037,504,481
Balance at 1/1/2026	10,998,295,200	1,098,209,892	69,778,362	12,166,283,454
Net profit for the period	-	-	150,301	150,301
Balance at 30/6/2026	10,998,295,200	1,098,209,892	69,928,663	12,166,433,755

18. Share capital

The Company's authorised and issued share capital comprised:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Number of shares	VND'000	Number of shares	VND'000
Authorised share capital	1,099,829,520	10,998,295,200	1,099,829,520	10,998,295,200
Issued share capital				
Ordinary shares	1,099,829,520	10,998,295,200	1,099,829,520	10,998,295,200
Shares in circulation				
Ordinary shares	1,099,829,520	10,998,295,200	1,099,829,520	10,998,295,200
Share premium	-	1,098,209,892	-	1,098,209,892

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividends as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

Share premium represents the excess of the proceeds on issuance of shares over the par value, net of any costs directly attributable to the share issuance.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

19. Financial income

	From 1/1/2026 to 30/6/2026 VND'000	From 1/1/2025 to 30/6/2025 VND'000
Interest income from deposits and loans	86,824,060	83,543,664
Realised foreign exchange gain	9,319	8,618
	86,833,379	83,552,282

20. Financial expenses

	From 1/1/2026 to 30/6/2026 VND'000	From 1/1/2025 to 30/6/2025 VND'000
Provision for long-term financial investments	-	107,004,541
Interest expense	79,310,942	76,894,389
Borrowing fees	6,007,432	4,932,392
Realised foreign exchange loss	17,521	34,269
	85,335,895	188,865,591

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)

21. Income tax

(a) Recognised in the separate statement of income

	From 1/1/2026 to 30/6/2026 VND'000	From 1/1/2025 to 30/6/2025 VND'000
Income tax expense - current		
Current period	37,575	-
Over provision in prior years	-	(6,883)
	37,575	(6,883)

(b) Reconciliation of effective tax rate

	From 1/1/2026 to 30/6/2026 VND'000	From 1/1/2025 to 30/6/2025 VND'000
Accounting profit/(loss) before tax	187,876	(121,650,439)
Tax at the Company's tax rate	37,575	(24,330,088)
Non-deductible expenses	-	24,163,562
Over provision in prior years	-	(6,883)
Deferred tax assets not recognised for taxable losses	-	166,526
	37,575	(6,883)

(c) Applicable tax rates

The Company has an obligation to pay the Government income tax at the standard rate of 20% of taxable profits.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

22. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances and transactions disclosed in other notes to the separate interim financial statements, the Company had the following significant balances and transactions with related parties during the period:

(a) Related party balances

As at and for the six-month period ended 30 June 2026, the Company has demand deposit accounts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (“TCB”), an associate of the Company’s ultimate parent company. These deposits were placed on normal commercial terms.

As of 30 June 2026, the associates and subsidiaries of the ultimate parent company held VND744,200 million (1/1/2026: VND1,130,600 million) of the issued bonds of the Company.

(b) Related party transactions

Related parties	Nature of transactions	From 1/1/2026 to 30/6/2026 VND’000	From 1/1/2025 to 30/6/2025 VND’000
Ultimate parent company’s associates			
TCB and its subsidiaries	Bond interest (i)	12,860,141	557,555
Ultimate parent company’s subsidiary			
Wincommerce General Commercial Services Joint Stock Company	Bond interest (i)	26,331,164	51,076,712
Subsidiaries			
Nui Phao Mining Co., Ltd	Payment on behalf of NPM	629,334	-
	Interest income from loans	86,731,233	83,532,740
	Receipt of loan interest	93,098,630	76,858,219
Masan Tungsten LLC (“MTC”)	Proceeds from borrowings	13,500,000	12,800,000
	Repayment of borrowings	12,800,000	12,800,000
	Interest expense	317,459	279,321
	Payment of interest expense	640,000	550,400
Key management personnel			
	Salary, bonus and other benefits (ii)	-	-

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

- (i) The bonds are listed and sold to a broader set of investors on normal commercial terms.
- (ii) For the six-month period ended 30 June 2026 and 30 June 2025, the Company did not pay remuneration to Board of Directors' members, Chief Executive Officer and Deputy Chief Executive Officer. Salary and bonus for the Chief Executive Officer of the Company during these periods were paid by a subsidiary of the Company.

23. Subsequent event after the end of interim reporting period

On 2 July 2026, the Company's Board of Directors approved Resolution No. 87/2026/NQ-HDQT, approving the regulations of the ESOP and the list of ESOP eligible employees. On 22 July 2026, the Company completed the issuance of an additional 5,143,900 shares (representing 99.382% of the total planned ESOP shares) at an issue price of VND15,000 per share.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period
ended 30 June 2026 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC
dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance)*

24. Comparative information

Except for the reclassifications below, comparative information as at 1 January 2026 and relevant disclosures were derived from the Company's separate financial statements for the year ended 31 December 2025; comparative information for the six-month period ended 30 June 2025 and relevant disclosures were derived from the Company's separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025.

As described in Note 3, effective from 1 January 2026, the Company adopted Circular 99 and changed its accounting policies for certain items which have been applied prospectively. As a result of the change in accounting policy, the comparative information as at 1 January 2026 has been reclassified. A comparison of the amounts previously reported and as reclassified is as follows:

Separate statement of financial position

	Code	1/1/2026 (as reclassified) VND'000	1/1/2026 (as previously reported) VND'000
Short-term held-to-maturity investments	123	31,263,836	-
Other short-term receivables	135	21,106,628	52,370,464
Long-term held-to-maturity investments	265	1,500,000,000	-
Loans receivable – long-term		-	1,500,000,000

Authorised, 5 August 2026

Preparer



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewer



Aditya Agarwal
Deputy Chief Executive Officer

Legal Representative



Michael Richard Lister Glover
Chief Executive Officer